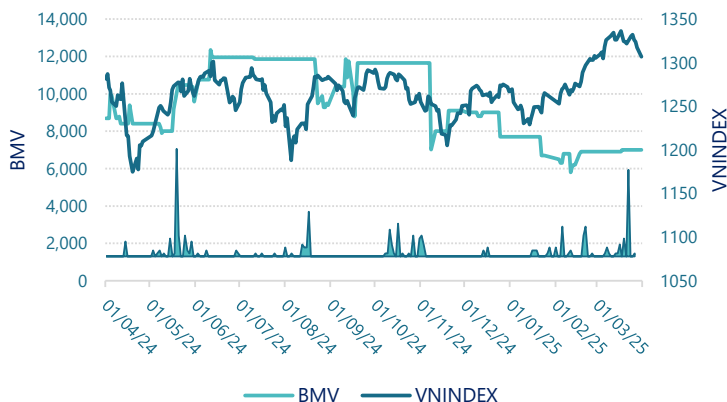




CTCP Bột mỳ Vinafood 1 (UPCOM: BMV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	7,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,346
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,800
SL cổ phiếu LH	24,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	25
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	169
P/E	59.9
EPS	117

DT thuần

Q1/25

147

tỷ VNĐ

QoQ: ▼37.0| -19.8%

YoY: ▼9.00| -5.5%

LN sau thuế

Q1/25

1.01

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.12| -10.3%

YoY: ▲ 0.95| 1588%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

1.6%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

2024

650

tỷ VNĐ

YoY: ▼18.0| -2.7%

LN sau thuế

2024

1.95

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.48| -43.1%

ROE

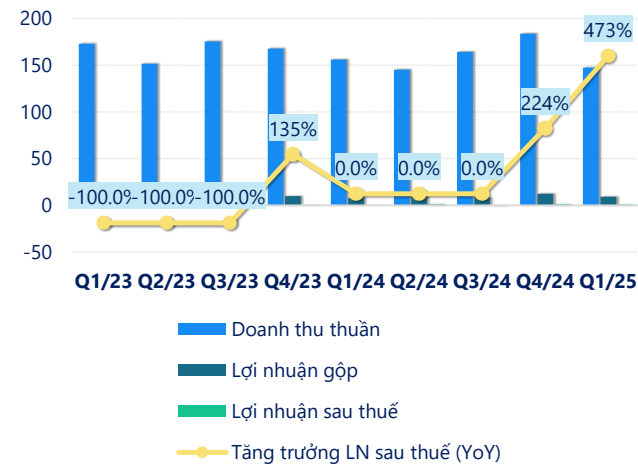
2024

0.8%

+/- YoY: ▼ 0.6%

tỷ VNĐ

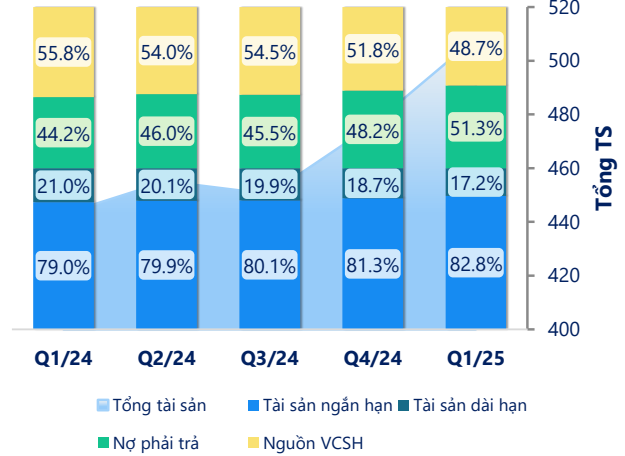
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

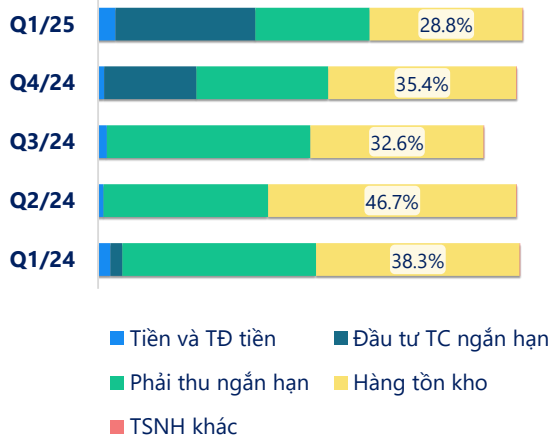
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



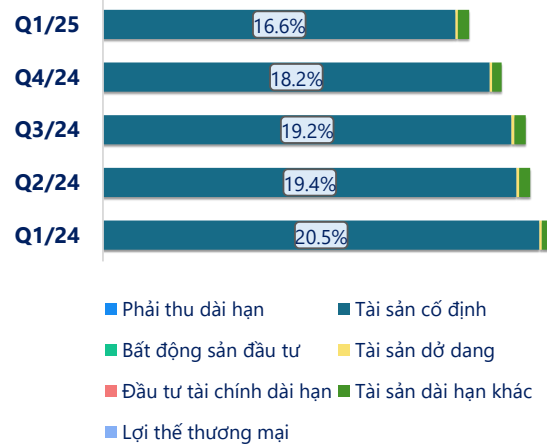
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

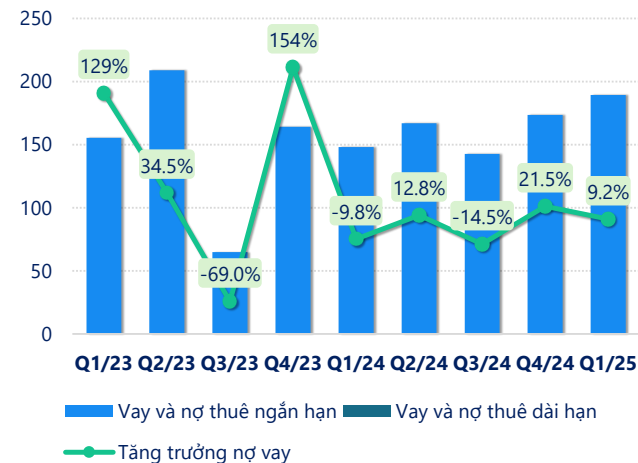
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

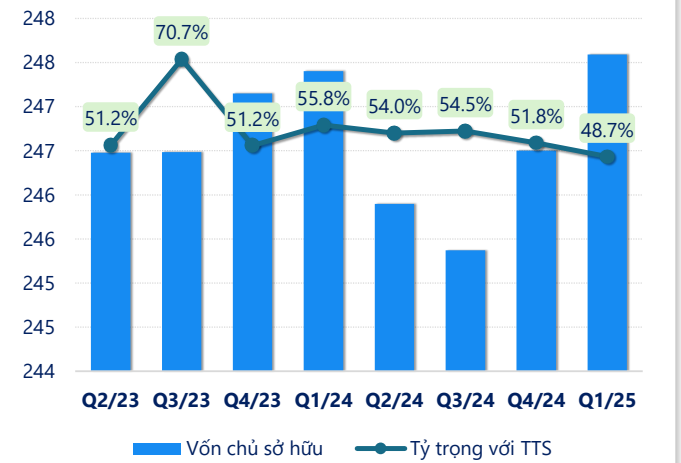
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

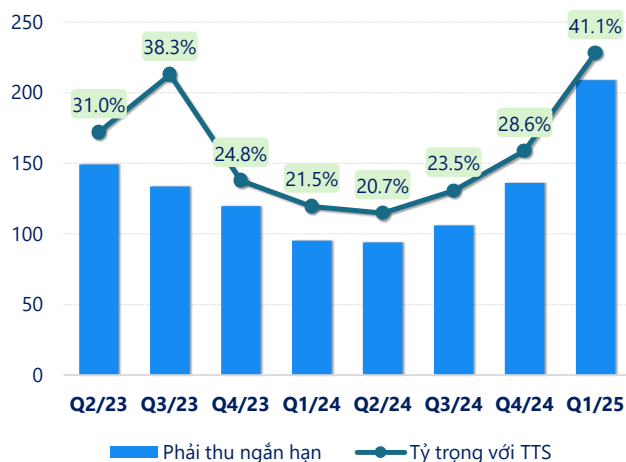
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



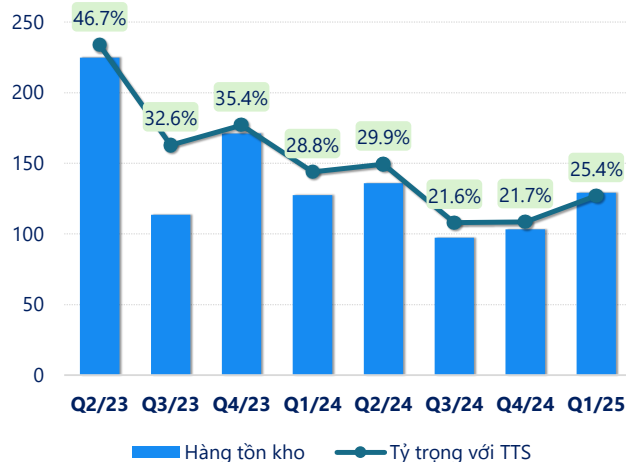
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


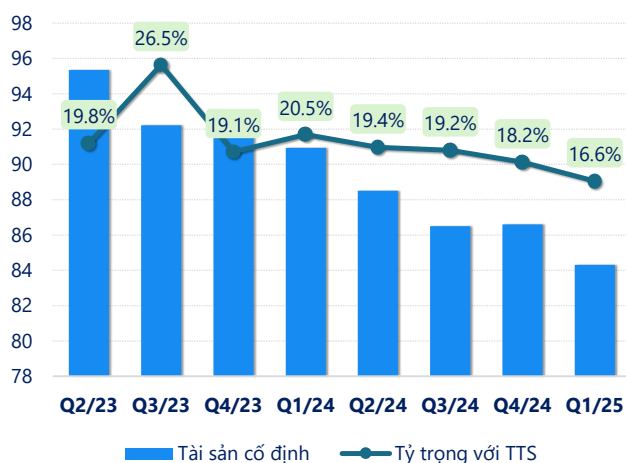
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


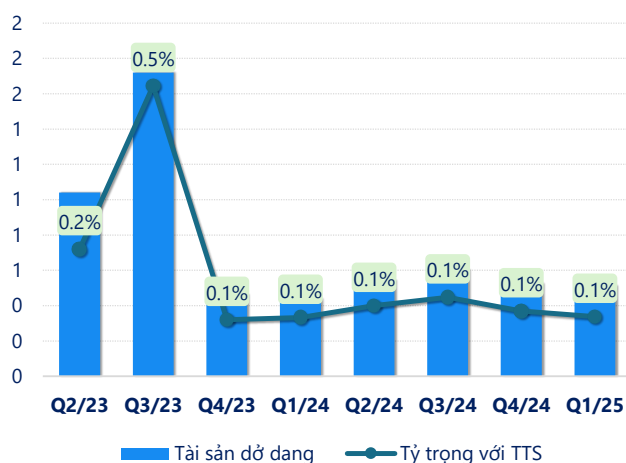
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

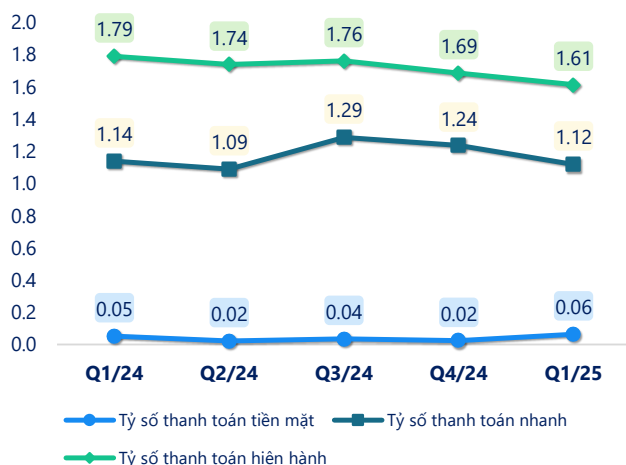
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

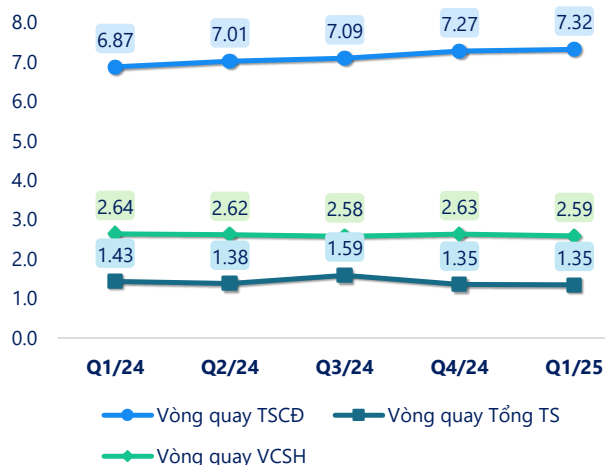
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	443	455	450	476	509
Tài sản ngắn hạn	350	364	361	387	421
Tiền và tương đương tiền	10.2	4.58	7.34	5.35	16.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	117	129	150	142	66.0
Phải thu ngắn hạn	95.3	94.0	106	136	209
Hàng tồn kho	127	136	97.3	103	129
Tài sản ngắn hạn khác	0.41	0.65	0.71	0.58	0.48
Tài sản dài hạn	93.0	91.4	89.5	89.3	87.6
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	90.9	88.5	86.5	86.6	84.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.44	0.55	0.60	0.53	0.51
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1.67	2.37	2.40	2.15	2.76
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	196	209	205	230	261
Nợ ngắn hạn	196	209	205	229	261
Vay và nợ thuê ngắn hạn	148	167	143	173	189
Phải trả người bán ngắn hạn	37.5	29.3	42.1	40.7	57.6
Nợ dài hạn	0.04	0.04	0.04	0.19	0.10
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	247	246	245	246	248
Vốn chủ sở hữu	247	246	245	246	248
Vốn điều lệ	242	242	242	242	242
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)